

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 6 - 2022

V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Phương Hoa

2. Bà Tô Thị Thanh Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Tô Hồng Thái - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2022/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Thôn Đ 2, xã P, thành phố T, tỉnh T. (*Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

2. **Bị đơn:** Anh **Hoàng Văn L**, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: Thôn Đ 2, xã P, thành phố T, tỉnh T. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau: Chị và anh Hoàng Văn L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 6 năm 1993 tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố T, tỉnh T, cả 2 làm nghề tự do. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã P, thành phố T. Vợ

chồng chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh L đi chơi bời bạn bè, thường xuyên uống rượu về nhà chửi bới đánh đập vợ con, không chịu tu chí làm ăn, thiếu quan tâm đến gia đình và đã 3 lần bị kết án về các tội mua bán trái phép chất ma túy, đánh bạc và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có phải đi chấp hành án phạt tù đối với ba bản án trên 06 năm tù, sau khi ra tù về vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn ngày càng căng thẳng kéo dài, không tự giải quyết được với nhau, kể từ tháng 11/2021 đến nay vợ chồng sống ly thân không hỏi han, quan tâm đến nhau nữa.

Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn đối với anh Hoàng Văn L.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Văn L có 03 con chung là: Hoàng Thị T1, sinh ngày 17/3/1993; Hoàng Thị Tú N, sinh ngày 27/8/1995 và Hoàng Thành N1, sinh ngày 24/12/2011. Con T1 và con N đã trưởng thành, đã xây dựng gia đình, tự lập về kinh tế nên không đạt ra giải quyết. Con N1 hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị D có nguyện vọng trực tiếp nuôi con N1, không yêu cầu anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm nghề tự do thu nhập trung bình 10 triệu đồng/01 tháng.

Về tài sản: Trong thời gian chung sống vợ chồng có tài sản chung là 01 ngôi nhà 4 tầng xây trên đất có diện tích là 75m² tại thôn Đ 2, xã P, thành phố T, nhà đất đã được cấp giấy chứng nhận sử dụng mang tên chị và anh L, ngoài ra không còn tài sản nào khác, vợ chồng không vay nợ chung của ai và cũng không cho ai vay tài sản gì. Tại đơn khởi kiện ly hôn và văn bản tự khai khi Tòa án thụ lý vụ án chị có yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là nhà đất trên, nhưng ngày 06/5/2022 chị có đơn gửi Tòa án xin rút yêu cầu chia tài sản để vợ chồng bàn bạc tự giải quyết với nhau, không yêu cầu giải quyết về tài sản trong vụ án này.

* Tòa án đã giao, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy báo và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn anh Hoàng Văn L không đến Tòa án giải quyết, không gửi văn bản trình bày ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vụ án không tiến hành hòa giải được.

* Tại biên bản xác minh ngày 13/5/2022, bà Trịnh Thị O là Trưởng thôn Đ 2, xã P, thành phố T, tỉnh T cung cấp: Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Đ 2, xã P, thành phố T. Quá trình chung sống anh L đã bị kết án, sau khi ra tù sinh sống tại địa phương nhưng anh L không có công ăn việc làm, không có thu nhập, thường đi chơi quanh địa bàn xã, không thường xuyên ở nhà. Nay Tòa án xuống làm việc được biết chị D đã có đơn xin ly hôn anh L, như vậy địa phương xác định giữa vợ chồng chị D, anh L có mâu thuẫn,

anh L sau khi ra tù không chịu làm ăn, thiếu quan tâm đến gia đình đó cũng là một trong những nguyên nhân dẫn tới việc chị D xin ly hôn. Cụ thể mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm được do chị D, anh L không phản ánh. Nay chị D có đơn xin ly hôn anh L đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết. Chị D và anh L có 03 con chung là Hoàng Thị T1, sinh ngày 17/3/1993; Hoàng Thị Tú N, sinh ngày 27/8/1995 và Hoàng Thành N1, sinh ngày 24/12/2011. Hiện cháu T1 và cháu N đã trưởng thành, đã lấy chồng và tự lập kinh tế. Cháu N1 hiện đang học lớp 5 Trường Tiểu học P. Nếu chị D và anh L ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu N1 và quy định của pháp luật để giải quyết. Về tài sản: chị D và anh L có 01 ngôi nhà 4 tầng xây trên đất tại khu 3,2 ha tái định cư, thôn Đ 2, xã P, ngoài ra có tài sản gì khác địa phương không rõ. Chị D, anh L có nợ chung gì của ai hay không địa phương không rõ, không thấy ai đòi nợ.

* Tại biên bản xác minh ngày 19/5/2022 ông Trần Minh Tuấn là Tổ trưởng tổ dân phố số 04, xã P, thành phố T cung cấp: Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn L có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng có thời gian chung sống tại tổ 4, xã P, thành phố T, sau đó chuyển về ở khu 3,2 ha tái định cư P. Chị D, anh L có nhà ở tại số nhà 36, đường bờ sông B, tổ 4, xã P, thành phố T. Cách đây khoảng 03 tháng anh L về ở nhà tại tổ 4, xã P còn chị D và con vẫn sinh sống tại thôn Đ 2, xã P. Nhà ở tổ 4 xã P, thành phố T trước đây cho công nhân thuê, khi anh L về ở hỏi anh L nói là vợ chồng ly thân nhau, mỗi người sống một nơi. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thế nào địa phương không rõ. Nay chị D có đơn xin ly hôn anh L đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết. Chị D và anh L có 03 con chung là Hoàng Thị T1, sinh ngày 17/3/1993; Hoàng Thị Tú N, sinh ngày 27/8/1995 và Hoàng Thành N1, sinh ngày 24/12/2011. Hiện các cháu T1 và N đã trưởng thành, đi xây dựng gia đình riêng và tự lập kinh tế. Cháu N1 hiện đang học lớp 5 Trường Tiểu học P. Nếu chị D và anh L ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của con chưa thành niên và quy định của pháp luật đã giải quyết. Về tài sản: chị D và anh L có 01 căn nhà đất tại thôn Đ 2, xã P, thành phố T và 01 nhà đất ở tổ 4, xã P, thành phố T, nguồn gốc nhà đất cụ thể không rõ. Ngoài ra vợ chồng chị D và anh L có nợ chung hay không hoặc còn tài sản chung nào khác địa phương không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị D ly hôn với anh Hoàng Văn L. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Thị T1, sinh ngày 17/3/1993; Hoàng Thị Tú N, sinh ngày 27/8/1995 và Hoàng Thành N1, sinh ngày

24/12/2011. Hiện 02 cháu T1 và N đều đã trưởng thành, tự lập kinh tế nên không đặt ra giải quyết. Căn cứ Điều 80, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị xử giao cháu Hoàng Thành N1, sinh ngày 24/12/2011 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra. Về tài sản: Chị D không yêu cầu giải quyết tài sản, anh L không có lời khai nên không đặt ra giải quyết. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D do rút yêu cầu. Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng, nhưng nguyên đơn chị Nguyễn Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hoàng Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/6/1993 tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố T, khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương, phù hợp lời khai nguyên đơn, thể hiện sau khi kết hôn quá trình chung sống vợ chồng chị D anh L đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không bàn bạc, thống nhất được với nhau trong làm ăn, công việc gia đình và sinh hoạt hàng ngày dẫn đến va chạm, xô xát, xúc phạm nhau, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng kéo dài, không tự dàn xếp được với nhau. Do mâu thuẫn nên khoảng tháng 11/2021 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án chị D cương quyết xin được ly hôn. Anh L mặc dù đã được Tòa án giao, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải mục đích để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh L đều vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có ý kiến, quan điểm về vụ án thể hiện không có thiện chí đoàn tụ, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2021 đến nay nhưng anh chị không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm, điều đó chứng tỏ hai bên không còn thiết tha với cuộc sống vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị D ly hôn anh Hoàng Văn L là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn L có 03 con chung là Hoàng Thị T1, sinh ngày 17/3/1993; Hoàng Thị Tú N, sinh ngày 27/8/1995 và Hoàng Thành N1, sinh ngày 24/12/2011. Hiện cháu T1 và cháu N

đã trưởng thành, tự lập kinh tế nên không đặt ra giải quyết. Chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con N1, cháu N1 có nguyện vọng được ở với mẹ, vì vậy giao cho chị D trực tiếp nuôi con chung Hoàng Thành N1 là phù hợp. Chị D không yêu cầu anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc có yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi cần thiết.

[4] Về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản, bị đơn không có lời khai nên không đặt ra giải quyết. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D do rút yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Tuyên trả lại cho chị D số tiền tạm ứng án phí yêu cầu chia tài sản đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000550 ngày 30/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147, Điều 235; 238; 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn L.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn L có 03 con chung là Hoàng Thị T1, sinh ngày 17/3/1993; Hoàng Thị Tú N, sinh ngày 27/8/1995 (đều đã trưởng thành) và Hoàng Thành N1, sinh ngày 24/12/2011. Giao con chung là Hoàng Thành N1 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra. Anh L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản của chị Nguyễn Thị D do rút yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Tuyên trả lại cho chị Nguyễn Thị D số tiền 41.000.000 (Bốn mươi một triệu) đồng tạm ứng án phí chia tài sản.

(Chuyển số tiền 41.300.000 đồng chị Nguyễn Thị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000550 ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình để thi hành án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D và bị đơn anh Hoàng Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Bình.
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã P, thành phố T, tỉnh T).
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Hồng Sơn